

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG GIẢI QUYẾT

1. Cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân đề nghị cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên gửi hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

- Tiếp nhận hồ sơ

+ Trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của cơ quan có thẩm quyền: trong ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định; tiếp nhận đối với hồ sơ đạt yêu cầu hoặc từ chối tiếp nhận đối với hồ sơ không đạt yêu cầu;

+ Trường hợp nộp qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; tiếp nhận đối với hồ sơ đạt yêu cầu hoặc từ chối tiếp nhận đối với hồ sơ không đạt yêu cầu, gửi văn bản từ chối kèm hồ sơ đã nhận qua dịch vụ bưu chính;

+ Trường hợp nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; tiếp nhận đối với hồ sơ đạt yêu cầu hoặc từ chối tiếp nhận đối với hồ sơ không đạt yêu cầu.

- Xử lý hồ sơ

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD.

+ Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản thông báo gửi cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD.

- Chứng chỉ đăng kiểm viên hoặc Thông báo từ chối cấp chứng chỉ được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy (bản giấy được trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính).

1.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với hồ sơ đề nghị cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ:

+ Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD;

+ Bản chính Lý lịch chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD;

+ Bản chính Thông báo kết quả kiểm tra nghiệp vụ đăng kiểm viên đạt yêu cầu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD.

- Đối với hồ sơ đề nghị cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn chứng nhận xe cải tạo trong trường hợp đã được cấp chứng chỉ thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới còn hiệu lực và đã hoàn thành khóa tập huấn nghiệp vụ chứng nhận xe cơ giới cải tạo từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến trước thời điểm Thông tư số 22/2026/TT-BXD có hiệu lực do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức:

+ Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD;

+ Bản chính Lý lịch chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD;

+ Bản sao Thông báo hoàn thành khóa tập huấn nghiệp vụ chứng nhận xe cơ giới cải tạo.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết:

(1) Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện các công việc chuyên môn:

- Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo;

- Công việc chuyên môn liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp:

+ Kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới;

+ Kiểm tra, đánh giá: việc bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới tại cơ sở sản xuất, lắp ráp; cơ sở thử nghiệm; cơ quan chứng nhận; cơ sở đăng kiểm; cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới;

+ Thử nghiệm an toàn xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

+ Thử nghiệm phụ tùng xe cơ giới;

+ Thử nghiệm khí thải, tiêu thụ năng lượng xe cơ giới.

- Công việc chuyên môn liên quan đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026):

+ Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

+ Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới;

+ Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.

(2) Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện các công việc chuyên môn:

- Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới;

- Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Chứng chỉ đăng kiểm viên;

- Thông báo từ chối cấp chứng chỉ đăng kiểm viên.

1.8. Giá, lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên;

- Lý lịch chuyên môn;

- Thông báo hoàn thành tập huấn nghiệp vụ;

- Thông báo kết quả kiểm tra nghiệp vụ đăng kiểm viên;

- Chứng chỉ đăng kiểm viên;

- Thông báo từ chối cấp chứng chỉ đăng kiểm viên.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ chuyên môn tương ứng;
- Cá nhân được đánh giá đạt yêu cầu khóa tập huấn đăng kiểm viên và kiểm tra nghiệp vụ đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư số 22/2026/TT-BXD.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 22/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tiêu chuẩn, tập huấn đăng kiểm viên; cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ và thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ CẤP MỚI (CẤP LẠI)¹ CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Kính gửi:

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BXD ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tiêu chuẩn, tập huấn đăng kiểm viên; cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ và thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.

Căn cứ thời hạn hiệu lực của Chứng chỉ đăng kiểm viên số ngày.....tháng năm.....²;

1. Họ và tên:; Ngày sinh:
2. Số Căn cước:
3. Địa chỉ:
4. Số điện thoại/Email:
5. Số Giấy phép lái xe ô tô³:
6. Nội dung đề nghị: ..(đề nghị cấp mới (cấp lại) chứng chỉ đăng kiểm viên....).
7. Lý do⁴:
8. Đề nghị nhận kết quả: Bản điện tử Bản giấy
9. Cách thức nhận bản giấy (nếu có): Trực tiếp Qua bưu chính

(Trường hợp nhận kết quả gửi qua dịch vụ bưu chính, đề nghị ghi rõ thông tin, địa chỉ nhận:)

Tôi cam kết những nội dung trên là đúng.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ*(Ký, ghi rõ họ tên)*

¹ Áp dụng việc cấp mới hoặc cấp lại đối với các trường hợp theo quy định tại Thông tư này;

² Áp dụng đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên hết hiệu lực;

³ Áp dụng đối với công việc chuyên môn tương ứng tại điểm b khoản 1 và điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

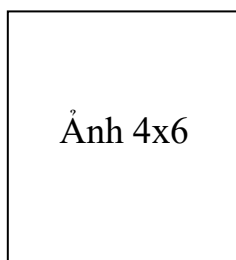
⁴ Ghi rõ lý do đề nghị; trường hợp cấp lại do có nội dung sai thông tin đề nghị ghi rõ thông tin sai và nội dung đúng.

MẪU LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

Phần I

TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN



- Họ và tên:
- Ngày sinh:
- Số Căn cước:
- Trình độ chuyên môn
- Đơn vị công tác¹:
- Số điện thoại: Email:

1. Đào tạo chuyên môn:

TT	Tên trường đào tạo	Thời gian	Ngành/ chuyên ngành	Trình độ

2. Đào tạo nghiệp vụ:

TT	Tên khóa tập huấn	Địa điểm	Đơn vị tập huấn	Thời gian (từ ... đến ...)

3. Quá trình công tác chuyên môn, nghiệp vụ:

TT	Đơn vị công tác	Chức vụ	Thời gian (từ ... đến ...)	Ghi chú

4. Khen thưởng, kỷ luật²:

TT	Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Số, ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật	Cơ quan ra quyết định

5. Nghiệp vụ, chuyên môn khác đã tham gia:

.....

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN

1. Đối chiếu với yêu cầu đăng kiểm viên....., Tôi xác định như sau:

- Về chuyên môn:

- Về trình độ nghiệp vụ:

2. Phẩm chất đạo đức:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của tổ chức quản lý người đề nghị , ngày tháng năm
cấp chứng chỉ đăng kiểm viên³

Người khai
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

¹ Trường hợp cá nhân đang công tác tại tổ chức, đơn vị thì phải kê khai tại mục này, ngoài ra lý lịch phải có xác nhận của tổ chức, đơn vị và đóng dấu giáp lai tại phần dán ảnh 4x6;

² Trường hợp cá nhân đã bị kỷ luật hoặc bị tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên hoặc vi phạm pháp luật trong hoạt động đăng kiểm đã có bản án/kết luận của cơ quan có thẩm quyền đã có hiệu lực phải kê khai đầy đủ tại mục này;

³ Trường hợp người đề nghị chưa làm việc ở đơn vị nào thì không cần xác nhận tại nội dung này.

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN
¹
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-.....

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN
Lần kiểm tra của học viên:²....

(Công việc chuyên môn:)

Kính gửi:³.....

Căn cứ Thông tư số /2026/TT-BXD ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tiêu chuẩn, tập huấn đăng kiểm viên; cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ và thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.

Căn cứ kết quả kiểm tra nghiệp vụ đăng kiểm viên của ông (bà)³.....
¹..... thông báo như sau:

Ông (bà), sinh ngày: .../.../.....

Số Căn cước:

Đơn vị công tác:

Đã có kết quả⁴..... trong kỳ tập huấn (kiểm tra)² nghiệp vụ đăng kiểm viên, cụ thể:⁵.....

Thông báo này có giá trị sử dụng đến ngày/...../..... ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Tên cơ sở tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên

² Lần kiểm tra: 1, 2, 3 (theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 6 Thông tư này);

³ Học viên được kiểm tra;

⁴ Đạt/Không đạt;

⁵ Lý do (trong trường hợp không đạt).

MẪU CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN**TÊN CƠ QUAN CẤP ...¹****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN**Số chứng chỉ: AA/BBBB/CCCC²

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BXD ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tiêu chuẩn, tập huấn đăng kiểm viên; cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ và thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ số: ngày

Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam/Giám đốc Sở Xây dựng..... cấp chứng chỉ đăng kiểm viên đối với:

Ông (Bà):

Ngày sinh: xx/xx/xxxx

Nơi sinh:

Mã số đăng kiểm viên:³

Được thực hiện công việc chuyên môn:⁴

Ghi chú: ...

....., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

¹ Theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 22/2026/TT-BXD

² AA: mã cơ quan cấp theo Bảng mã số cơ quan cấp chứng chỉ đăng kiểm viên kèm theo Phụ lục này; BBBB: năm cấp; CCCC: số thứ tự cấp trong năm;

³ Số căn cước của người được cấp;

⁴ Một công việc chuyên môn được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

**BẢNG MÃ SỐ
CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ ĐẢNG KIỂM VIÊN**

STT	CƠ QUAN CẤP	MÃ SỐ
1.	Cục Đảng kiểm Việt Nam	01
2.	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	11
3.	Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn	12
4.	Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh	14
5.	Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng	15
6.	Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ	19
7.	Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên	20
8.	Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang	22
9.	Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai	24
10.	Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu	25
11.	Sở Xây dựng tỉnh Sơn La	26
12.	Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên	27
13.	Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội	29
14.	Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình	35
15.	Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa	36
16.	Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An	37
17.	Sở Xây dựng tỉnh Hà Tĩnh	38
18.	Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng	43
19.	Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk	47
20.	Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng	49
21.	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	50
22.	Sở Xây dựng thành phố Đồng Nai	60
23.	Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long	64
24.	Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ	65
25.	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp	66
26.	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	67
27.	Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau	69
28.	Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh	70

STT	CƠ QUAN CẤP	MÃ SỐ
29.	Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị	73
30.	Sở Xây dựng thành phố Huế	75
31.	Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi	76
32.	Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hoà	79
33.	Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai	81
34.	Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên	89
35.	Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh	99

MẪU THÔNG BÁO TỪ CHỐI CẤP CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN
TÊN CƠ QUAN CẤP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/-.....

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo từ chối cấp
chứng chỉ đăng kiểm viên

Kính gửi:

.....¹..... nhận được hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên của ông (bà), sinh ngày .../.../.....; số căn cước:; đơn vị công tác:

Căn cứ

.....¹..... thông báo như sau:

Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên của ông (bà) không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư số .../2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tiêu chuẩn, tập huấn đăng kiểm viên; cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ và thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.

Lý do:

.....¹..... thông báo để ông (bà) được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

¹ Cơ quan ban hành văn bản.

2. Cấp lại Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên gửi hồ sơ đến Bộ phận Một cửa Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

b) Giải quyết TTHC:

- Tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của cơ quan có thẩm quyền: trong ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc hướng dẫn, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định; tiếp nhận đối với hồ sơ đạt yêu cầu hoặc từ chối tiếp nhận đối với hồ sơ không đạt yêu cầu;

+ Trường hợp nộp qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; tiếp nhận đối với hồ sơ đạt yêu cầu hoặc từ chối tiếp nhận đối với hồ sơ không đạt yêu cầu, gửi văn bản từ chối kèm hồ sơ đã nhận qua dịch vụ bưu chính;

+ Trường hợp nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; tiếp nhận đối với hồ sơ đạt yêu cầu hoặc từ chối tiếp nhận đối với hồ sơ không đạt yêu cầu.

- Xử lý hồ sơ

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD.

+ Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản thông báo gửi cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD.

- Chứng chỉ đăng kiểm viên hoặc Thông báo từ chối cấp chứng chỉ được trả bằng bản điện tử, trừ trường hợp cá nhân có nhu cầu nhận bản giấy (bản giấy được trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính).

2.2. Cách thức thực hiện:

Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp Chứng chỉ đăng kiểm viên mất, hỏng, có nội dung sai thông tin:
 - + Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD;
 - + Bản chính hoặc bản sao được chứng thực Chứng chỉ đăng kiểm viên (áp dụng với trường hợp bị hỏng, có nội dung sai thông tin).
- Trường hợp bị thu hồi theo quy định tại điểm g hoặc điểm h khoản 1 Điều 12 Thông tư số 22/2026/TT-BXD:
 - + Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD;
 - + Bản chính Lý lịch chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 22/2026/TT-BXD;
 - + Bản chính Thông báo kết quả kiểm tra nghiệp vụ đăng kiểm viên đạt yêu cầu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.
- Trường hợp Chứng chỉ đăng kiểm viên hết hiệu lực (thời điểm hết hiệu lực sau ngày 01/7/2026), trước khi hết hiệu lực cá nhân làm thủ tục đề nghị cấp lại chứng chỉ đăng kiểm với thành phần hồ sơ như sau:
 - + Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD;
 - + Bản chính Lý lịch chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD;
 - + Bản chính hoặc bản sao được chứng thực Chứng chỉ đăng kiểm viên.
- Trường hợp Chứng chỉ đăng kiểm viên hết hiệu lực (thời điểm hết hiệu lực trước ngày 01/7/2026), thành phần hồ sơ như sau:
 - + Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD;
 - + Bản chính Lý lịch chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD;
 - + Bản chính Thông báo kết quả kiểm tra nghiệp vụ đăng kiểm viên đạt yêu cầu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 22/2026/TT-BXD.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết:

(1) Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện các công việc chuyên môn:

- Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo;

- Công việc chuyên môn liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp:

- + Kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới;

- + Kiểm tra, đánh giá: việc bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới tại cơ sở sản xuất, lắp ráp; cơ sở thử nghiệm; cơ quan chứng nhận; cơ sở đăng kiểm; cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới;

- + Thử nghiệm an toàn xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

- + Thử nghiệm phụ tùng xe cơ giới;

- + Thử nghiệm khí thải, tiêu thụ năng lượng xe cơ giới.

- Công việc chuyên môn liên quan đến an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026):

- + Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- + Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới;

- + Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.

(2) Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố cấp mới chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện các công việc chuyên môn:

- Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới;

- Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Chứng chỉ đăng kiểm viên;

- Thông báo từ chối cấp chứng chỉ đăng kiểm viên.

2.8. Giá, lệ phí: Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Văn bản đề nghị cấp chứng chỉ đăng kiểm viên;

- Lý lịch chuyên môn;

- Thông báo kết quả kiểm tra nghiệp vụ đăng kiểm viên;

- Chứng chỉ đăng kiểm viên;
- Thông báo từ chối cấp chứng chỉ đăng kiểm viên.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Cá nhân thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2026/TT-BXD.

- Cá nhân Đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra nghiệp vụ đăng kiểm viên theo quy định tại Thông tư số 22/2026/TT-BXD (áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm b và điểm d khoản 1 Điều 10 Thông tư số 22/2026/TT-BXD);

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 22/2026/TT-BXD ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tiêu chuẩn, tập huấn đăng kiểm viên; cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ và thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ CẤP MỚI (CẤP LẠI)¹ CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Kính gửi:

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BXD ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tiêu chuẩn, tập huấn đăng kiểm viên; cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ và thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.

Căn cứ thời hạn hiệu lực của Chứng chỉ đăng kiểm viên số ngày.....tháng năm.....²;

1. Họ và tên:; Ngày sinh:
2. Số Căn cước:
3. Địa chỉ:
4. Số điện thoại/Email:
5. Số Giấy phép lái xe ô tô³:
6. Nội dung đề nghị: ..(đề nghị cấp mới (cấp lại) chứng chỉ đăng kiểm viên....).
7. Lý do⁴:
8. Đề nghị nhận kết quả: Bản điện tử Bản giấy
9. Cách thức nhận bản giấy (nếu có): Trực tiếp Qua bưu chính

(Trường hợp nhận kết quả gửi qua dịch vụ bưu chính, đề nghị ghi rõ thông tin, địa chỉ nhận:))

Tôi cam kết những nội dung trên là đúng.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Áp dụng việc cấp mới hoặc cấp lại đối với các trường hợp theo quy định tại Thông tư này;

² Áp dụng đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên hết hiệu lực;

³ Áp dụng đối với công việc chuyên môn tương ứng tại điểm b khoản 1 và điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

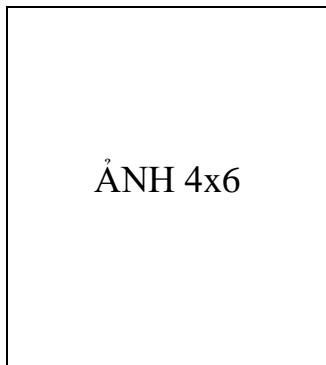
⁴ Ghi rõ lý do đề nghị; trường hợp cấp lại do có nội dung sai thông tin đề nghị ghi rõ thông tin sai và nội dung đúng.

MẪU LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

Phần I

TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN



- Họ và tên:
- Ngày sinh:
- Số Căn cước:
- Trình độ chuyên môn
- Đơn vị công tác¹:
- Số điện thoại: Email:

1. Đào tạo chuyên môn:

TT	Tên trường đào tạo	Thời gian	Ngành/ chuyên ngành	Trình độ

2. Đào tạo nghiệp vụ:

TT	Tên khóa tập huấn	Địa điểm	Đơn vị tập huấn	Thời gian (từ ... đến ...)

3. Quá trình công tác chuyên môn, nghiệp vụ:

TT	Đơn vị công tác	Chức vụ	Thời gian (từ ... đến ...)	Ghi chú

4. Khen thưởng, kỷ luật²:

TT	Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Số, ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật	Cơ quan ra quyết định

5. Nghiệp vụ, chuyên môn khác đã tham gia:

.....

Phần II**TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN**

1. Đối chiếu với yêu cầu đăng kiểm viên....., Tôi xác định như sau:

- Về chuyên môn:

- Về trình độ nghiệp vụ:

2. Phẩm chất đạo đức:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của tổ chức quản lý người đề nghị, ngày tháng năm
cấp chứng chỉ đăng kiểm viên³

Người khai
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

¹ Trường hợp cá nhân đang công tác tại tổ chức, đơn vị thì phải kê khai tại mục này, ngoài ra lý lịch phải có xác nhận của tổ chức, đơn vị và đóng dấu giáp lai tại phần dán ảnh 4x6;

² Trường hợp cá nhân đã bị kỷ luật hoặc bị tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên hoặc vi phạm pháp luật trong hoạt động đăng kiểm đã có bản án/kết luận của cơ quan có thẩm quyền đã có hiệu lực phải kê khai đầy đủ tại mục này;

³ Trường hợp người đề nghị chưa làm việc ở đơn vị nào thì không cần xác nhận tại nội dung này.

**MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA NGHIỆP VỤ
ĐĂNG KIỂM VIÊN**

.....¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-.....

....., ngày ... tháng ... năm

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Lần kiểm tra của học viên: ...²...

(Công việc chuyên môn:

Kính gửi:³

Căn cứ Thông tư số /2026/TT-BXD ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tiêu chuẩn, tập huấn đăng kiểm viên; cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ và thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.

Căn cứ kết quả kiểm tra nghiệp vụ đăng kiểm viên của ông (bà)³.....

.....¹ thông báo như sau:

Ông (bà), sinh ngày: .../.../.....

Số Căn cước:

Đơn vị công tác:

Đã có kết quả⁴..... trong kỳ tập huấn (kiểm tra)² nghiệp vụ đăng kiểm viên, cụ thể:⁵.....

Thông báo này có giá trị sử dụng đến ngày/...../..... ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Tên cơ sở tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên

² Lần kiểm tra: 1, 2, 3 (theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 6 Thông tư này);

³ Học viên được kiểm tra;

⁴ Đạt/Không đạt;

⁵ Lý do (trong trường hợp không đạt).

MẪU CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN**TÊN CƠ QUAN CẤP ...¹****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****CHỨNG CHỈ ĐĂNG KIỂM VIÊN**Số chứng chỉ: AA/BBBB/CCCC²

Căn cứ Thông tư số .../2026/TT-BXD ngày .../.../2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tiêu chuẩn, tập huấn đăng kiểm viên; cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ và thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ.

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ số: ngày

Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam/Giám đốc Sở Xây dựng..... cấp chứng chỉ đăng kiểm viên đối với:

Ông (Bà):

Ngày sinh: xx/xx/xxxx

Nơi sinh:

Mã số đăng kiểm viên:³Được thực hiện công việc chuyên môn:⁴

Ghi chú: ...

....., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

¹ Theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 22/2026/TT-BXD

² AA: mã cơ quan cấp theo Bảng mã số cơ quan cấp chứng chỉ đăng kiểm viên kèm theo Phụ lục này; BBBB: năm cấp; CCCC: số thứ tự cấp trong năm;

³ Số căn cước của người được cấp;

⁴ Một công việc chuyên môn được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

**BẢNG MÃ SỐ
CƠ QUAN CẤP CHỨNG CHỈ ĐẢNG KIỂM VIÊN**

STT	CƠ QUAN CẤP	MÃ SỐ
36.	Cục Đảng kiểm Việt Nam	01
37.	Sở Xây dựng tỉnh Cao Bằng	11
38.	Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn	12
39.	Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ninh	14
40.	Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng	15
41.	Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ	19
42.	Sở Xây dựng tỉnh Thái Nguyên	20
43.	Sở Xây dựng tỉnh Tuyên Quang	22
44.	Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai	24
45.	Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu	25
46.	Sở Xây dựng tỉnh Sơn La	26
47.	Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên	27
48.	Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội	29
49.	Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình	35
50.	Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa	36
51.	Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An	37
52.	Sở Xây dựng tỉnh Hà Tĩnh	38
53.	Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng	43
54.	Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk	47
55.	Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng	49
56.	Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh	50
57.	Sở Xây dựng thành phố Đồng Nai	60
58.	Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Long	64
59.	Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ	65
60.	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp	66
61.	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	67
62.	Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau	69
63.	Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh	70

STT	CƠ QUAN CẤP	MÃ SỐ
64.	Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị	73
65.	Sở Xây dựng thành phố Huế	75
66.	Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi	76
67.	Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa	79
68.	Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai	81
69.	Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên	89
70.	Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh	99

